

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HD
TỈNH HD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/3/2021.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Công Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh HD tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 576/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu Th**, sinh năm: 1983.

ĐKKHKT: số nhà 18/24 Trương Hán Siêu, khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD.

Hiện trú tại: khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn Dũng**, sinh năm: 1980.

ĐKKHKT và trú tại: số nhà 18/24 Trương Hán Siêu, khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày: Chị và anh Bùi Văn D là vợ chồng,

được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố HD, tỉnh HD vào ngày 19/9/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D mãi chơi, không chí thú làm ăn. Do anh D không biết tính toán nên làm ăn thua lỗ và nợ nần nhiều, chị đã phải trả nợ cho anh D nhiều lần. Giữa chị và anh D thường xuyên không hiểu nhau nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng xa cách, thiếu sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ảnh hưởng đến việc học hành và tâm lý của các con. Anh chị đã sống ly thân được 05 tháng nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh D cũng không có trách nhiệm cùng chị để chăm lo cho các con. Chị đã khuyên nhủ và hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần cho vợ chồng chị nhưng anh D không thay đổi, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Cuộc sống chung của anh chị rơi vào bế tắc. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị và hai con đã về ở nhờ nhà anh ruột chị là anh Trần Văn Ch tại khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh D về việc chị xin ly hôn anh D, anh D đồng ý ly hôn nhưng anh D cố tình không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ tình cảm của anh D với chị không còn, chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặc dù hai bên gia đình tham gia, góp ý, hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả và vợ chồng chị vẫn mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nữa. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh D không còn tình cảm với chị, không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với chị, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D thông qua mẹ đẻ anh D là bà Trần Thị H. Bà H xác định đã giao lại các văn bản của Tòa án cho anh D đầy đủ; anh D đã biết Tòa án thụ lý việc chị Th xin ly hôn với anh và giải quyết về con chung, đã biết thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng do công việc bận không thể có mặt tại Tòa án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Nguyên vọng của anh D muốn được đoàn tụ nhưng chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh D và gia đình cũng chấp nhận vì đó là quyền của chị Th. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Theo bà H trình bày, anh D và chị Th kết hôn vào tháng 9 năm 2003. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại nhà của vợ chồng bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên không có trách nhiệm với chị Th, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sút mẻ, kinh tế gia đình không tập trung, bà H có đỡ đần cho hai anh chị bớt khó khăn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt; do kinh tế khó khăn nên tình cảm vợ chồng không hạnh phúc như ý, vợ chồng thường xảy ra việc cãi nhau. Bà đã khuyên anh Dũng thay đổi để vợ chồng vui vẻ cùng nhau làm ăn nuôi dạy con chung nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Bố mẹ đẻ chị Th đã mất cách đây hơn 10 năm, do mâu thuẫn vợ chồng, chị Th đã về ở nhờ nhà anh trai là anh Ch. Nay, chị Th kiên quyết xin ly hôn anh D, gia đình bà cũng chấp nhận vì đó là

quyền của chị Th. Vợ chồng chị Th và anh D có hai con chung, bà H trình bày, cả hai con chung cùng sinh sống với chị Th do chị Th nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của cháu K và cháu Tuấn A. Bà H cũng đề nghị Tòa án không xem xét đối với tài sản chung của chị Th và anh D vì chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2021, anh Trần Văn Ch g là anh ruột của chị Th trình bày: Mẹ con chị Th vẫn ở nhà anh được hơn 01 tháng nay. Chị Th và anh D kết hôn với nhau từ năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố HD, tỉnh HD. Vợ chồng hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Dũng mải chơi, không chí thú làm ăn, vợ chồng không tập trung kinh tế, giữa hai người không có sự thống nhất và không tìm được tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng xa cách, thiếu sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn gia đình luôn căng thẳng, ảnh hưởng đến việc học hành và tâm lý của các con chung của anh chị. Hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu, anh D không đến gia đình anh chơi, vì vậy, tình cảm anh em cũng nhạt dần. Mặt khác, anh D nợ nần nhiều do làm ăn thua lỗ, chị Th đã phải trả nợ nhiều lần cho anh D. Quan điểm của gia đình anh mong muốn vợ chồng chị Th và anh D về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng do vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nên anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị Th cho chị Th được ly hôn anh D. Vợ chồng có hai con chung, hiện các con đang ở với chị Th. Nguyện vọng của các con chung của chị Th và anh D xin được ở với chị Th nên anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị Th nuôi dưỡng, anh sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị Th được ở nhà anh lâu dài vì anh có nhà cửa rộng rãi.

Về con chung: chị Th trình bày, chị và anh D có hai con chung là Bùi Văn K, sinh ngày 11/10/2003 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 21/02/2011. Hiện chị đang nuôi dưỡng cả hai con chung và chị đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Do anh trai của chị là anh Trần Văn Ch có nhà cửa rộng rãi, mẹ con chị cũng ở nhà anh Ch được mấy tháng nay nên anh Ch sẽ tạo mọi điều kiện cho mẹ con chị được ở nhà của anh Ch lâu dài. Hiện nay, chị là phiên dịch viên của Công ty TNHH Một Thành Viên Thần Tường, thu nhập của chị được 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con tốt nên chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Tại đơn gửi Tòa án ngày 19/11/2020, cháu Bùi Văn K và Bùi Tuấn A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà H trình bày cả hai con chung cùng sinh sống với chị Th do chị Th nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của cháu K và cháu Tuấn A.

Về tài sản: Chị Th trình bày, chị và anh D có tài sản chung là một ngôi nhà hai tầng trên thửa đất tại số nhà 18/24 Trương Hán Siêu, khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có tài sản riêng. Về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Công an phường Nhị Châu thể hiện: chị Th và anh D cùng hai con hiện nay đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 18/24 Trương Hán Siêu, khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD. Hiện anh Dũng vẫn đang sinh sống, cư trú tại địa chỉ này còn chị Th và các con hiện đang sinh sống tại nhà anh trai là Trần Văn Chung tại khu 1, phường Nhị Châu, thành phố HD, tỉnh HD.

Theo yêu cầu của chị Th, Toà án tiến hành lấy lời khai người thân trong gia đình anh chị và xác minh tại khu dân cư nơi anh chị cư trú thể hiện: Chị Th và anh D sinh sống tại khu dân cư từ năm 2003 đến nay. Quá trình vợ chồng sinh sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D làm ăn thua lỗ, kinh tế vợ chồng không tập trung, anh D nợ nần nhiều, gia đình và vợ con đã trả nợ cho anh D, tình cảm vợ chồng vì thế sút mẻ. Chị Th đã về gia đình anh trai chị sinh sống, do đó, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Về quan hệ vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th. Đối với các con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu K và cháu Tuấn A. Về tài sản chung, chị Th và anh D có tài sản như chị Th trình bày nhưng chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không giải quyết. Tại Công văn số 329/QLXNC-P5 ngày 04/01/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: anh Bùi Văn Dũng đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số C8878134 ngày 11/02/2020, có giá trị đến 11/02/2030; nhưng không có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên toà hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về con chung, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, chị xác định vợ chồng có tài sản là nhà đất trên nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ chung và không cho ai vay chung; không nợ riêng, không cho ai vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị không có tài sản riêng.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Trần Thị Thu Th được ly hôn anh Bùi Văn D; về quan hệ con chung: giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Văn K, sinh ngày 11/10/2003 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 21/02/2011, thời gian kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của

pháp luật là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 05/3/2021; tại phiên tòa, anh D vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 23/3/2021. Tại phiên tòa hôm nay, anh Dũng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: chị Trần Thị Thu Th và anh Bùi Văn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố HD, tỉnh HD vào ngày 19/9/2003 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không chí thú làm ăn, nợ nần nhiều, chị Th đã phải trả nợ nhiều lần cho anh D. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau, cuộc sống vợ chồng bế tắc, hai người đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần, anh D đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn tình cảm với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị Th và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: vợ chồng chị Thủy và anh D có hai con chung là Bùi Văn K, sinh ngày 11/10/2003 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 21/02/2011, hiện hai con đều đang ở với chị Th. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện tại, chị là phiên dịch viên của Công ty TNHH Một Thành Viên Thần Trường, thu nhập của chị được 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con tốt nên chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Hơn nữa, cháu Bùi Văn K và Bùi Tuấn A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà H là mẹ đẻ anh D cũng đề nghị Tòa án xem xét giao con cho chị Th nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu K và cháu Tuấn A. Như vậy, nguyện vọng của chị Th và hai con cũng như phía gia đình anh D và gia đình chị Th cùng khu dân cư đều đề nghị Tòa án giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện hai con chung của anh chị đều do chị Th đang nuôi dưỡng. Bản thân chị Th có nghề nghiệp, công việc, chỗ ăn ở, sinh hoạt ổn định và thu nhập tốt, xét nguyện vọng của chị Th, các con và hai bên gia đình cũng như địa phương đều mong muốn

giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là chính đáng và đảm bảo quyền lợi của các con chung nên được chấp nhận. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản: chị Th trình bày vợ chồng có tài sản chung là một ngôi nhà hai tầng trên thửa đất tại số nhà 18/24 Trương Hán Siêu, khu 1, phường Nhị Châu thành phố HD, tỉnh HD nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có tài sản riêng. Về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Th xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Trần Thị Thu Th được ly hôn anh Bùi Văn D.

- *Về quan hệ con chung:* Xử giao cho chị Trần Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Văn K , sinh ngày 11/10/2003 và Bùi Tuấn A , sinh ngày 21/02/2011, thời gian kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Bùi Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002633 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị Trần Thị Thu Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th , vắng mặt anh ên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố HD
- Chi cục THADS TP.HD;
- Các đương sự;
- Kết hôn ngày 19/9/2003 tại UBND

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*phường Ngọc Châu, thành phố HD,
tỉnh HD (UBND phường Ngọc Châu
để lưu hồ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.*

Đinh Thị Thúy Hạnh